

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: **77/2022/HS-PT**
Ngày 21/3/2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Chung.
2. Ông Văn Công Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2022 và 21/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022, do có kháng cáo của bị cáo Lê B, bị hại Ngô Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Lê B, sinh ngày 18/3/2000; tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn Kbua, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lê U, sinh năm 1976 và bà H'Y, sinh năm 1979; hiện sinh sống tại: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. Ngày 16/3/2022 bị cáo có mặt, ngày 21/3/2022 vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Bị hại có kháng cáo: Ông Ngô Văn N, sinh năm 1957, bà Ninh Thị G, sinh năm 1956. Cùng trú tại: Thôn 8, xã P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Bà H, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Buôn E, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Vũ Thị M, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn 5, xã P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1948. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê B cùng chị H làm thuê cho gia đình ông Ngô Văn N, được vợ chồng ông N cho ở tại nhà để đi làm cho thuận tiện. Sau khi hết công việc, B và chị H dọn ra ở ngôi nhà bỏ hoang gần nhà ông N để kiếm việc làm tiếp.

Khoảng 14 giờ ngày 02/8/2021, B đến nhà ông N lấy nước về sinh hoạt. B thấy không có ai ở nhà, B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. B đột nhập cửa sau vào nhà ông N, đi qua phòng bếp vào phòng ngủ, có một tủ gỗ đựng quần áo để sát tường trên ổ khoá tủ còn cắm sẵn chìa khoá. B mở tủ lục soát phát hiện ở góc dưới bên trái của tủ có 01 xấp tiền loại 200.000 đồng được buộc bằng dây thun và một ít tiền lẻ để bên cạnh. B lấy toàn bộ số tiền cho vào túi quần đang mặc rồi đi về nơi chị H đang ở. B nói chị H thu dọn đồ đạc để đi về huyện K. B điều khiển xe mô tô chở theo mẹ con chị H về xã S, huyện K. Khi về đến nhà chị H, B lấy 01 tờ tiền loại 200.000 đồng trong số tiền chiếm đoạt được đưa cho chị H. B điều khiển xe đi về nhà tại buôn K, xã C, huyện K. Khoảng 07 giờ ngày 03/8/2021, B đếm số tiền chiếm đoạt được tổng cộng 20.500.000 đồng (bao gồm 200.000 đồng đã cho chị H). Ngày 03/8/2021, B sử dụng tiền mua ma túy tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk để sử dụng, cuộc điện thoại đã thế chấp và tiêu xài cá nhân hết 4.000.000 đồng.

* Vật chứng tạm giữ: Số tiền 20.500.000 đồng (trong đó 16.500.000đ thu giữ của bị cáo và 4.000.000đ bị cáo tự nguyện nộp khắc phục thiệt hại); 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21S; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 47U1-18737; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô gắn do Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/5/2021 cho Lê B.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

* Tuyên bố bị cáo Lê B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

*** Về hình phạt:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s Khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê B 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp:

* Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS: Buộc bị cáo Lê B phải trả lại cho ông Ngô Văn N bà Ninh Thị G số tiền 20.500.000 đồng, (trong đó 16.500.000đ thu giữ của bị cáo và 4.000.000đ bị cáo tự nguyện nộp khắc phục thiệt hại) cơ quan điều tra công an huyện M’Đrăk đã thu giữ và chuyển cho cơ quan thi hành án dân sự theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002461 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/12/2021, bị cáo Lê B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 14/12/2021, bị hại ông Ngô Văn N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tiếp tục xác minh, làm rõ nguồn gốc số tiền ông N bị mất là 70.620.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với nội dung Bản cáo trạng, nội dung Bản án hình sự sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại Ngô Văn N khai thực tế số tiền gia đình ông bị bị cáo chiếm đoạt là 70.620.000 đồng có nguồn gốc do bà Đặng Thị Q (trú tại tổ dân phố 12, thị trấn M, huyện M) đưa cho vợ chồng ông bà tiền để chăm sóc vụ mía năm 2021 – 2022. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ nguồn gốc số tiền gia đình ông bị mất để buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình ông là làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông. Do đó ông N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tiếp tục xác minh, làm rõ nguồn gốc số tiền ông N bị mất là 70.620.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm: Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lê B 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét

hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là thỏa đáng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị hại về việc đề nghị cấp phúc thẩm tiếp tục xác minh, làm rõ nguồn gốc số tiền ông N bị mất là 70.620.000 đồng là không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo Lê B tại phiên tòa phúc thẩm, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng được thu giữ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng 14 giờ ngày 02/8/2021, tại nhà ông Ngô Văn N ở thôn 8, xã P, huyện M lợi dụng lúc gia đình ông N không có ai ở nhà, bị cáo đã đột nhập vào nhà ông N lén lút chiếm đoạt số tiền 20.500.000 đồng của vợ chồng ông N bà G. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Lê B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b, h, i, s khoản 1 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường) nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Mặc dù có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Lê B 01 (Một) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Hơn nữa bị cáo đang nghiện ma túy, cũng cần có môi trường phù hợp để bị cáo có cơ hội đoạt tuyệt với ma túy nên việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, cần giữ nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị hại ông Ngô Văn N cho rằng Tòa án không triệu tập người làm chứng là bà Vũ Thị M, bà Đặng Thị Q để tiến hành lấy lời khai, đối chất làm

rõ nguồn gốc số tiền 70.620.000đồng mà chỉ dựa vào lời khai của bị cáo để xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt 20.500.000đ là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Hội đồng xét xử xét thấy quá điều tra cơ quan điều tra đã triệu tập bà Vũ Thị M (ngày 20/8/2021 và 15/10/2021) bà Đặng Thị Q (ngày 20/8/2021 và 21/10/2021) để làm rõ nguồn gốc số tiền như bị hại trình bày, bà My cũng đã xác nhận có trả cho ông N bà G số tiền mua mè 20.000.000đ, bà Q cũng xác nhận có đưa cho ông N số tiền 40.000.000đ để đầu tư chăm sóc mía. Tuy nhiên, việc ông N bà G chi tiêu và quản lý số tiền trên như thế nào thì các bà không biết. Tại cấp phúc thẩm bị hại cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh việc bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 50.120.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 20.500.000đ là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do bị hại là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê B và bị hại Ngô văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017:

Xử phạt bị cáo Lê B **01** (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt thi hành án.

[3] Các biện pháp tư pháp:

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015: Buộc bị cáo Lê B phải trả lại cho ông Ngô Văn N và bà Ninh Thị G số tiền 20.500.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng*). Hiện số tiền trên Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk đã thu giữ (trong đó có 16.500.000đ thu giữ của bị cáo và 4.000.000đ bị cáo tự nguyện nộp khắc phục thiệt hại) và chuyển cho cơ quan thi hành án dân sự theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002461 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrăk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú